

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *17*/2023/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *10* tháng 9 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ của ngân sách địa phương đối với phần vốn vay lại Dự án bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH  
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐỘT XUẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

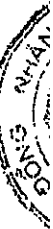
*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;*

*Thực hiện Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình” vốn vay Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và vốn ODA không hoàn lại của Liên minh châu Âu (EU).*

*Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ của ngân sách*



*W/ha*

địa phương đối với phần vốn vay lại Dự án bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực đồng bằng sông Hồng thực hiện tại Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ của ngân sách địa phương đối với phần vốn vay lại Dự án bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình với các nội dung như sau:

1. Phương án sử dụng vốn vay

a) Tổng các nguồn vốn: 159.451.770.000 đồng (tương đương 5.930.000 Euro), trong đó:

- Vốn vay xúc tiến của KfW và vốn ODA viện trợ không hoàn lại của EU: 4.267.000 Euro (tương đương 114.735.363.000 đồng); cơ chế tài chính trong nước thực hiện theo Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn biển khu vực Đồng bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình” vốn vay Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và vốn ODA không hoàn lại của Liên minh châu Âu (EU):

+ Vốn Chính phủ vay về cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình vay lại 50% là 2.133.500 Euro (tương đương 57.367.681.500 đồng), trong đó: Vốn vay xúc tiến của KfW là 1.477.000 Euro (tương đương 39.715.053.000 đồng) và vốn viện trợ của EU là 656.500 Euro (tương đương 17.652.628.500 đồng).

+ Vốn cân đối ngân sách trung ương (cấp phát) 50%: 2.133.500 Euro (tương đương 57.367.681.500 đồng).

(Trường hợp Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2020 thì thực hiện theo Quyết định sửa đổi, bổ sung.)

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 44.716.407.000 đồng (tương đương 1.663.000 Euro).

b) Vốn vay được giải ngân trong thời gian 03 năm (2024-2026).

(Chi tiết Phương án sử dụng vốn vay tại Phụ lục 01)

## 2. Phương án trả nợ vốn vay

- a) Thời gian vay lại: 15 năm; trong đó có 04 năm 06 tháng ân hạn;
- b) Thời gian bắt đầu trả nợ gốc là ngày 15 tháng 11 năm 2028, năm kết thúc trả nợ là ngày 15 tháng 11 năm 2038;
- c) Lãi suất vay bằng Euro: Tạm tính 4,98% /năm tính trên phần vốn vay xúc tiến của KfW mà tỉnh Thái Bình vay lại là 1.477.000 Euro (lãi suất lấy theo hướng dẫn của Nhà tài trợ tại thời điểm hiện tại); trường hợp lãi suất biến động tăng lên tỉnh Thái Bình cam kết bố trí nguồn vốn để trả cho phần kinh phí lãi tăng;
- d) Phí cam kết 0,25%/năm tính trên số vốn chưa giải ngân;
- đ) Phí quản lý 0,3% trả một lần và tính trên tổng số vốn vay;
- e) Phí quản lý cho vay lại 0,25%/ năm tính trên dư nợ vay lại;
- g) Tổng nghĩa vụ trả nợ: 2.866.065 Euro (tương đương 74.636 triệu đồng);
- h) Nguồn vốn trả nợ: Nguồn ngân sách tỉnh;
- i) Ngày thanh toán: Ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 hàng năm;

Trường hợp nhà tài trợ hoặc Thủ tướng Chính phủ cho phép không phải trả nợ gốc nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của EU thì mỗi kỳ trả nợ gốc (hàng năm vào ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11) giảm đi tương ứng là 31.262 Euro/kỳ trả nợ gốc (tương đương với 841 triệu đồng/kỳ trả nợ gốc).

(Chi tiết Phương án trả nợ vốn vay tại Phụ lục 02)

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.
2. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải, Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
3. Tăng cường nguồn lực để bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn đảm bảo theo đúng quy định.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

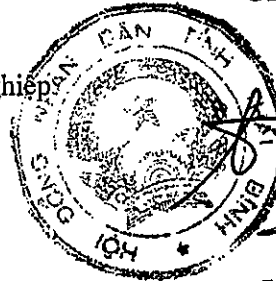
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 20 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 10 năm 2023.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ của ngân sách địa phương đối với phần vốn vay lại Dự án bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đồng bằng sông Hồng sử dụng vốn vay của Ngân hàng tái thiết Đức (KfW)./. *Whe*

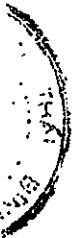
**Nơi nhận:**

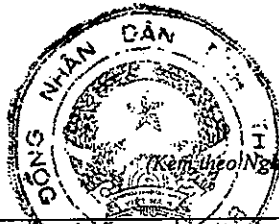
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ. *Whe*

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tiến Thành*  
**Nguyễn Tiến Thành**





PHỤ LỤC 02

PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ VỐN VAY

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 20/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: EUR và triệu đồng

Tỷ giá quy đổi: 1 EUR = 26.889 VND (Theo Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 15/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Table with columns for STT, Năm kế hoạch thực hiện dự án, Số ngày trả lãi theo kỳ thanh toán (ngày), and various financial metrics including loan amounts in EUR and VND, interest rates, and repayment schedules from 2024 to 2033.



PHU LUC 01

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 20/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: EURO; triệu VND

Tỷ giá quy đổi: 1 EUR = 26.889 VND (Theo Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 15/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Năm thực hiện	Tổng cộng các nguồn vốn		Phương án sử dụng vốn												Ghi chú	
				Vốn vay của KfW và vốn viện trợ không hoàn lại của EU						Vốn UBND tính vay lại (50% tổng vốn vay của KfW và vốn viện trợ không hoàn lại của EU)		Phần vốn vay phải trả lãi vay (50% vốn vay của KfW)		Vốn đối ứng			
				Tổng số		Trong đó:											
		Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND	Số tiền tính bằng (EURO)	Quy đổi ra VND		
1	Năm 2022	87.781	2.360														UBND tỉnh đã bố trí vốn chuẩn bị đầu tư
2	Năm 2024	1.532.254	41.201	1.175.485	31.608	909.109	24.445	266.377	7.163	587.743	15.804	454.554	12.223	356.769	9.593		
3	Năm 2025	3.287.430	88.396	2.664.744	71.652	1.858.593	49.976	806.151	21.677	1.332.372	35.826	929.297	24.988	622.686	16.743		
4	Năm 2026	934.568	25.130	426.771	11.475	186.298	5.009	240.473	6.466	213.385	5.738	93.149	2.505	507.797	13.654		
5	Năm 2027	87.967	2.365											87.967	2.365		
	<b>Tổng</b>	<b>5.930.000</b>	<b>159.452</b>	<b>4.267.000</b>	<b>114.735</b>	<b>2.954.000</b>	<b>79.430</b>	<b>1.313.000</b>	<b>35.305</b>	<b>2.133.500</b>	<b>57.368</b>	<b>1.477.000</b>	<b>39.715</b>	<b>1.663.000</b>	<b>44.716</b>		

NE